

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 35/2010/QĐ-UBND

Buôn Ma Thuột, ngày 17 tháng 11 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế Bảo vệ môi trường du lịch tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2005;

Căn cứ Luật Du lịch năm 2005;

Căn cứ Nghị định 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09 tháng 8 năm 2006 về việc quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28 tháng 02 năm 2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 391/TTr-STNMT ngày 06 tháng 10 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Bảo vệ môi trường du lịch tỉnh Đắk Lắk”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 29/2004/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế Bảo vệ môi trường du lịch tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lữ Ngọc Cư

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Bảo vệ môi trường du lịch tỉnh Đắk Lắk

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 35/2010/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu bảo vệ môi trường trong du lịch, điểm du lịch

Quy chế Bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch được ban hành nhằm bảo vệ môi trường du lịch, ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường trong quá trình tiến hành các hoạt động đầu tư, kinh doanh du lịch, bảo đảm phát triển du lịch một cách bền vững, góp phần bảo vệ môi trường và khai thác sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên của tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh của Quy chế

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động du lịch tại các khu du lịch, điểm du lịch hoặc các hoạt động có liên quan trực tiếp đến môi trường du lịch trên phạm vi tỉnh Đắk Lắk đều phải tuân thủ theo các quy định đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Ngoài các từ ngữ đã được giải thích trong Luật Bảo vệ môi trường, Luật Du lịch các từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau:

1. Môi trường du lịch là môi trường tự nhiên bao gồm toàn bộ không gian lãnh thổ: đất, nước, không khí, các hệ sinh thái, các hệ động vật, thực vật, công trình kiến trúc và cảnh quan thiên nhiên nơi tiến hành các hoạt động du lịch.

2. Bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch là các hoạt động tiến hành khai thác, sử dụng hợp lý, cải thiện và tôn tạo môi trường du lịch: phòng ngừa, khắc phục suy thoái, ô nhiễm và sự cố môi trường xảy ra trong lĩnh vực du lịch.

3. Khu vực nhạy cảm về môi trường là khu vực mà các thành phần đất, nước, không khí, các quần thể sinh vật hoặc các cá thể sinh vật hoặc mối liên hệ giữa các thành phần này dễ bị thay đổi đặc tính do các hoạt động của con người.

4. Các hoạt động liên quan là các hoạt động không nhằm cung cấp hoặc sử dụng các sản phẩm du lịch nhưng được tiến hành trong phạm vi khu, điểm du lịch hoặc khu vực đã được quy hoạch dành riêng cho phát triển du lịch hàng năm (theo mẫu tại Phụ lục 3); đồng thời thu thập thông tin phản hồi của khách về môi trường tại các cơ sở du lịch để không ngừng cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường;

6. Thường xuyên kiểm tra để kịp thời phát hiện các hiện tượng suy thoái ô nhiễm, sự cố môi trường tại khu, điểm du lịch, thông báo ngay cho các cơ quan có trách nhiệm; Đồng thời chủ cơ sở phải áp dụng các biện pháp ngăn ngừa và khắc phục hậu quả;

7. Trường hợp khu, điểm du lịch nằm trong hoặc liền kề với các khu nhạy cảm về môi trường thì phải bảo đảm các hoạt động tại khu, điểm du lịch không ảnh hưởng xấu đến môi trường các khu vực xung quanh;

8. Không được tự ý nhập khẩu, nuôi, trồng các loại vật lạ khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền;

9. Sử dụng phương tiện vận chuyển khách du lịch phải đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và các văn bản pháp luật có liên quan.

10. Thực hiện bảo vệ môi trường tại nơi mình kinh doanh và chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của đoàn thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 6. Trách nhiệm bảo vệ môi trường của khách du lịch

1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại khu du lịch theo sự chỉ dẫn của hướng dẫn viên du lịch, cơ quan quản lý du lịch, nội quy nơi lưu trú du lịch, của tổ chức, cá nhân vận chuyển khách du lịch và những người có thẩm quyền quản lý nơi đến du lịch;

2. Không được có hành vi xâm phạm đến sinh hoạt bình thường của các loài động, thực vật và thảm thực vật tại nơi du lịch;

3. Không đốt lửa trong các khu vực dễ gây cháy rừng hoặc hủy hoại thảm thực vật;

4. Không mang hóa chất độc hại, chất nổ, vũ khí, chất dễ gây cháy đến nơi du lịch;

5. Không được mang theo giống, loài sinh vật lạ vào khu vực du lịch khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 7. Trách nhiệm của cộng đồng dân cư sống trong khu du lịch, điểm du lịch

1. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân sinh sống, hoạt động trong các khu, điểm du lịch hoặc các khu vực đã được quy hoạch cho phát triển du lịch có các hoạt động gây tác động xấu đến cảnh quan môi trường du lịch;

2. Thực hiện thu gom, xử lý rác thải, nước thải đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn trước khi thải ra môi trường. Chấp hành tốt các quy định về bảo vệ môi trường du lịch theo hướng dẫn tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khu, điểm du lịch;

3. Tham gia bảo vệ, tôn tạo môi trường du lịch, phòng và chống ô nhiễm suy thoái, sự cố môi trường trên địa bàn.

Điều 8. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý và kinh doanh du lịch đối với việc khai thác, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên tại khu du lịch, điểm du lịch, tại vườn quốc gia, rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên

1. Không được khai thác du lịch tại các vườn quốc gia, rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên vượt quá mục đích quy hoạch về nhiệm vụ cụ thể của khu vực đó.

2. Không trao đổi mua bán, tàng trữ, vận chuyển, săn bắn, bẫy và sử dụng các động vật, thực vật quý hiếm quy định tại Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, và sản phẩm của chúng làm cảnh, thức ăn, thuốc hoặc hàng lưu niệm; Chỉ thị số 10/2009/CT-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2009 về việc tăng cường thực hiện các biện pháp bảo vệ và phát triển các loài động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Thường xuyên phổ biến, giáo dục cho du khách và cộng đồng dân cư trong khu, điểm du lịch về bảo vệ đa dạng sinh học, phòng và chống cháy rừng, xả rác đúng nơi quy định.

4. Nghiêm cấm tất cả mọi tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên thiên nhiên dưới bất kì hình thức nào nhằm ảnh hưởng xấu khu rừng đặc dụng, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong khu du lịch, điểm du lịch

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

a. Thực hiện hoạt động quản trắ các chỉ tiêu môi trường có liên quan đến du lịch theo đề nghị của Sở quản lý về du lịch ở địa phương;

b. Hướng dẫn chủ đầu tư, chủ quản các dự án cải tạo nâng cấp du lịch về thủ tục lập, thẩm định và phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường;

c. Hướng dẫn các đơn vị kinh doanh du lịch lập báo cáo hiện trạng môi trường cho các khu du lịch;

d. Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường có trách chủ trì phối hợp với thanh tra Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch, thanh tra các Sở ngành khác liên quan, tổ chức thanh tra, kiểm tra định kì hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật.

đ. Phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về công nghệ, thiết bị, quy trình vận hành xử lý chất thải và kha rnawng ứng phó với sự cố môi trường của các Sở kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a. Xây dựng quy hoạch phát triển du lịch của địa phương theo hướng phát triển du lịch bền vững phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo an ninh quốc phòng của tỉnh; triển khai các mô hình thu hút sự tham gia của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư vào phát triển du lịch và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch;

b. Phối hợp với các ngành có liên quan của tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường;

c. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch tăng cường bảo vệ môi trường vào thời kỳ du lịch cao điểm trong năm;

d. Theo dõi tình hình môi trường du lịch tại các khu du lịch điểm du lịch trên địa bàn tỉnh; phát hiện kịp thời các hiện tượng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, các hành vi xâm phạm môi trường du lịch; xử lý hoặc kiến nghị các cơ quan có trách nhiệm để xử lý;

đ. Tuyên truyền giáo dục, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường.

e. Lập Báo cáo hiện trạng môi trường du lịch hàng năm gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 năm sau theo hướng dẫn tại Phụ lục 3 Quy chế này; thực hiện báo cáo đột xuất trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường du lịch trên địa bàn.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a. Chủ trì hoặc phối hợp các ngành liên quan tổ chức tuyên truyền, giáo dục và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch; Đồng thời đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược phát triển quy hoạch khu du lịch;

b. Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi của mình quản lý;

c. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan phòng ngừa, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường trong lĩnh vực du lịch;

d. Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định ranh giới, phạm vi hoạt động du lịch, các loại hình du lịch được phép hoạt động, diện tích công trình kiến trúc, các chỉ tiêu bảo vệ sinh thái, đa dạng sinh học tại các khu rừng đặc dụng, vườn quốc gia và các khu bảo tồn khác;

đ. Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động cải thiện, tôn tạo môi trường du lịch trong quá trình hoạt động;

e. Khen thưởng các cơ sở kinh doanh du lịch thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường; Khi xem xét công nhận các doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh du lịch phải xem xét việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

Điều 10. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án

1. Vị trí, địa điểm lập dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo khu du lịch phải nằm trong quy hoạch tổng thể phát triển du lịch của tỉnh, của vùng và phù hợp với Quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền xây dựng; Mặt bằng xây dựng khu du lịch phải đảm bảo cho việc xây dựng các công trình xử lý chất thải, được trang bị đầy

đủ các thiết bị cần thiết và yêu cầu kỹ thuật xử lý chất thải và hệ thống ứng cố khi xảy ra sự cố môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân khi thi công các công trình du lịch tại các vườn quốc gia, khu rừng đặc dụng, khu rừng bảo tồn thiên nhiên không được làm thay đổi hiện trạng môi trường tự nhiên làm ảnh hưởng tới mục đích chính của quy hoạch khu vực và ảnh hưởng đến công tác nghiên cứu khoa học.

3. Chủ đầu tư, chủ quản các dự án hoạt động trong lĩnh vực du lịch phải lập và trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Các dự án đầu tư xây dựng du lịch phải có sự đồng ý về chủ trương bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền liên quan.

a. Tổ chức, cá nhân lập dự án, thiết kế, xây dựng, cải tạo, nâng cấp các khu, điểm du lịch và các công trình phục vụ du lịch phải tuân thủ các quy định tại Quy chế Bảo vệ môi trường ngành xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 29/1999/QĐ-BXD ngày 22 tháng 10 năm 1999 của Bộ trưởng Xây dựng và các văn bản pháp luật liên quan hiện hành;

b. Các Dự án xây dựng, nâng cấp cải tạo phát triển du lịch chỉ được phép khởi công khi được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 11. Trách nhiệm của chính quyền các cấp tại địa phương khi xem xét cho phép thực hiện các dự án đầu tư trong khu du lịch, điểm du lịch.

1. Cung cấp các số liệu, các thông tin cần thiết có liên quan đến dự án đầu tư xây dựng trong khu du lịch, điểm du lịch cho hội đồng thẩm định dự án.

2. Có trách nhiệm tham gia hội đồng thẩm định dự án đầu tư; Theo dõi kiểm tra, giám sát các hoạt động của dự án và đồng thời báo cáo kịp thời với cơ quan quản lý nhà nước những vấn đề có liên quan đến hoạt động của dự án làm ảnh hưởng đến môi trường khu vực.

Điều 12. Nhân dân trong vùng dự án thuộc khu vực nhạy cảm về môi trường có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo vệ môi trường khi xây dựng cơ sở hạ tầng, khai thác tài nguyên thiên nhiên

1. Trình bày và đề đạt các nguyện vọng của mình đối với dự án theo quy định của pháp luật.

2. Tạo điều kiện cho dự án hoạt động và chấp hành các quy định của nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương III

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 13. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ, tôn tạo môi trường du lịch được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi gây ô nhiễm, suy thoái hoặc sự cố môi trường trong quá trình hoạt động du lịch phải có các biện pháp khắc phục và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái hoặc sự cố môi trường mà không có các biện pháp khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không đủ khôi phục tình trạng ban đầu thì phải chịu trách nhiệm thanh toán mọi chi phí khắc phục theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lữ Ngọc Cư

PHỤ LỤC 1
CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG ĐỂ TỔ CHỨC
MỘT SỐ LOẠI HÌNH DU LỊCH CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc
ban hành Quy chế Bảo vệ môi trường du lịch tỉnh Đắk Lắk)

Yếu tố môi trường	Đơn vị	Du lịch tham quan	Du lịch nghỉ dưỡng	Du lịch thể thao mạo hiểm	Du lịch sinh thái
Chất lượng nước sinh hoạt					
pH		6,5 – 8,5	6,5 – 8,5	6,5 – 8,5	6,5 – 8,5
Độ trong	Cm	> 30	> 30	> 30	> 30
Mùi vị		0	0	0	0
Muối mặn vùng nội địa	mg/l	250	250	250	250
Đồng	mg/l	0,2	0,2	0,2	0,2
Sắt	mg/l	0,3	0,3	0,3	0,3
Mangan	mg/l	0,1	0,1	0,1	0,1
Kẽm	mg/l	5,0	5,0	5,0	5,0
Asen	mg/l	0,05	0,05	0,05	0,05
Chì	mg/l	0,05	0,05	0,05	0,05
Thủy ngân	mg/l	0,001	0,001	0,001	0,001
Chất tẩy rửa	mg/l	0	0	0	0
Coliform	MPN/100 ml	0	0	0	0
Chất lượng nước mặt lục địa					
pH		-	-	5,5 – 9,0	5,5 – 9,0
Mùi		-	-	Không khó chịu	Không khó chịu
BOD (20 ⁰ C)	mg/l	-	-	< 25	< 25

COD	mg/l	-	-	< 25	< 25
Ôxy hòa tan	mg/l	-	-	>2	>2
Chất rắn lơ lửng	mg/l	-	-	50	50
DDT	mg/l	-	-	0,01	0,01
Đồng	mg/l	-	-	1,0	1,0
Sắt	mg/l	-	-	2,0	2,0
Mangan	mg/l	-	-	0,8	0,8
Kẽm	mg/l	-	-	2,0	2,0
Asen	mg/l	-	-	0,1	0,1
Chì	mg/l	-	-	0,1	0,1
Thủy ngân	mg/l	-	-	0,002	0,002
Chất tẩy rửa	mg/l	-	-	0,5	0,5
Coliform	MPN/100 ml	-	-	5.000	5.000
Dầu mỡ	mg/l	-	-	0,3	0,3
Chất lượng không khí					
Nồng độ SO ₂ (24 giờ)					
Nồng độ CO (24 giờ)	mg/m ³	>0,05	>0,05	>0,05	>0,05
Nồng độ NO ₂ (24 giờ)	mg/m ³	>3,0	>3,0	>3,0	>3,0
Hàm lượng bụi (24 giờ)	mg/m ³	>0,1	>0,1	>0,1	>0,1
Tiếng ồn	mg/m ³	0,05 – 0,1	0,05 – 0,1	0,05 – 0,1	0,05 – 0,1
	dBA	45 - 50	45 - 50	35 - 40	35 - 40

PHỤ LỤC 2
CHỈ TIÊU MỘT SỐ YẾU TỐ CHẤT THẢI TỪ
HOẠT ĐỘNG DU LỊCH RA MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc
ban hành Quy chế Bảo vệ môi trường du lịch tỉnh Đắk Lắk)

Yếu tố môi trường	Đơn vị đo	Giới hạn khung
Nước thải từ các hoạt động du lịch và sinh hoạt của khách		
Mùi, cảm quan		Không có mùi khó chịu
pH		5,0 – 8,5
Chất rắn lơ lửng	mg/l	40 – 50
BOD (20 ⁰ C)	mg/l	40 – 50
COD	mg/l	80 – 100
SO ₃ ²⁻	mg/l	1,0
Nitơ tổng số	mg/l	15 – 20
Phốt pho tổng số	mg/l	5 – 6
Dầu, mỡ	mg/l	10
Coliform	MPN/100ml	3.000
Khí thải từ các phương tiện vận tải khách		
CO		
SO ₂	mg/l	200
Pb	mg/l	200
	mg/l	5
Nước thải từ tàu thuyền chở khách		
Dầu, mỡ khoáng	mg/l	5
Tiếng ồn từ các phương tiện vận tải khách		
Xe máy đến 125 cm ³		
Xe máy trên 125 cm ³	dBA	80
Xe chở khách dưới 12 chỗ	dBA	85
Xe chở khách trên 12 chỗ		80

Ca nô, thuyền chở khách (công suất đến 200 mã lực, tương đương 150 Kw)	dBA	85
Tàu, thuyền chở khách (công suất trên 200 mã lực, tương đương 150Kw)	dBA	88
	dBA	90

PHỤ LỤC 3
KHUNG BÁO CÁO HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG
DU LỊCH DÀNH CHO CÁC CƠ SỞ QUẢN LÝ VỀ DU LỊCH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc
ban hành Quy chế Bảo vệ môi trường du lịch tỉnh Đắk Lắk)

PHẦN I

Tổng quan về kinh tế - xã hội và môi trường

(Tổng quan tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, chú trọng những vấn đề phát triển có khả năng có những tác động đáng kể đến môi trường)

Tổng quan về phát triển kinh tế

1. Các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội cơ bản.
2. Tình hình thực hiện các mục tiêu.

Tổng quan về các vấn đề môi trường gây áp lực

1. Quá trình đô thị hóa và các vấn đề môi trường gây áp lực.
2. Phát triển giao thông và môi trường (đặc biệt với các công trình cấp tỉnh, quốc gia và quốc tế).
3. Phát triển công nghiệp và môi trường (đặc biệt đối với các khu công nghiệp tập trung).
4. Phát triển nông nghiệp và môi trường (đặc biệt đối với nuôi trồng thủy sản, hồ chứa, trồng rừng và làng nghề).
5. Phát triển các ngành dịch vụ - thương mại và môi trường.
6. Phát triển dân số và môi trường (đặc biệt với các khu vực thành phố, vùng sâu vùng xa, khu công nghiệp tập trung, hoạt động di dân và y tế cộng đồng).

Phần 2

Hiện trạng môi trường

Phần này chia thành các mục theo những thành phần môi trường. Việc trình bày từng mục cần thống nhất theo mô hình “Áp lực – Hiện trạng – Tác động – Đáp ứng”. Những đánh giá cần tập trung đối với các khu, điểm du lịch hoặc các khu vực được quy hoạch để phát triển du lịch. Các đánh giá được đưa ra cần kèm theo những số liệu cần chứng minh cụ thể về tình trạng môi trường có đáp ứng hay không đáp ứng được yêu cầu về chất lượng môi trường cho việc tổ chức những loại hình du lịch chính được xem là thế mạnh của địa phương (căn cứ vào khung chỉ tiêu môi trường ban hành kèm theo quy chế bảo vệ môi trường trong ngành du lịch).

1. Môi trường không khí.
2. Môi trường nước lục địa (nước mặt và nước ngầm).
3. Môi trường đất.

4. Hiện trạng rừng và đa dạng sinh học.
5. Chất thải (rắn, lỏng) và chất thải nguy hại.
6. Tai biến và sự cố môi trường.

PHẦN 3

Quản lý tác động môi trường của hoạt động du lịch

Phần này cần nêu tác động của những hoạt động du lịch chính đến môi trường bao gồm: số lượng chất thải và chất thải sau khi đã quan xử lý (nếu có) được đưa trực tiếp ra ngoài môi trường; tổng lượng nước ngầm đã qua và cần được khai thác để phục vụ nhu cầu du lịch; số lượng các loài động vật quý hiếm bị khai thác.

Bên cạnh đó trong báo cáo cần nêu rõ những biện pháp (pháp lý, công nghệ) đã được sử dụng để quản lý những tác động nêu trên với các số liệu dẫn chứng cụ thể trên cơ sở so sánh với khung chỉ tiêu môi trường trong hoạt động du lịch ban hành kèm theo Quy chế bảo vệ môi trường trong ngành du lịch.

Đối với những chỉ tiêu nào chưa thể xác định được cần nêu rõ nguyên nhân (ví dụ: không có thiết bị đo, có cán bộ chuyên môn; không có đủ kinh phí để phân tích mẫu hoặc thuê thiết bị....)

1. Chất thải rắn

- Từ các cơ sở lưu trú, dịch vụ du lịch.
- Từ các địa điểm tham quan du lịch.

2. Chất thải lỏng

- Từ các cơ sở lưu trú, dịch vụ du lịch.
- Từ các địa điểm tham quan du lịch.

3. Chất thải khí

- Từ các cơ sở lưu trú, dịch vụ du lịch.
- Từ các phương tiện vận chuyển khách du lịch.

4. Tiếng ồn

- Từ các cơ sở lưu trú, dịch vụ du lịch.
- Từ các phương tiện vận chuyển khách du lịch.

5. Suy giảm đa dạng sinh học

Tình hình khai thác các loại động vật, thực vật quý hiếm quy định tại Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm để làm hàng lưu niệm tại các điểm tham quan du lịch, các cơ sở lưu trú và dịch vụ.

6. Mức độ khai thác nước ngầm phục vụ du lịch

- Tổng lượng khai thác.

- So với nhu cầu nước được khai thác cho dân sinh.
- So với năng lực đáp ứng của các bể nước được điều tra.

PHẦN 4

Kết luận và kiến nghị

Trong phần này cần đưa ra những đánh giá chung về tình trạng môi trường đối với phát triển du lịch, phạm vi và mức độ của hoạt động du lịch tác động đến môi trường, hiệu lực của những công cụ quản lý môi trường đang được áp dụng tại địa phương và những kiến nghị chủ yếu để tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch.